TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 515/2023/DS-PT
Ngày 24 tháng 10 năm 2023

V/v tranh chấp kiện đòi tài sản là nhà, quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông Vũ Minh Tuấn
Bà Nguyễn Phương Hạnh

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Ngọc, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 146/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp kiện đòi tài sản là nhà và quyền sử dụng đất; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất", do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11815/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Lã Thị H, sinh năm 1944; HKTT: Nhà số 46, xóm Đ, B, phường M, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; địa chỉ hiện nay: Thôn A, xã Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Anh Phạm Xuân K, sinh năm 1972; HKTT: Đội 2, N, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

- ***Bị đơn:*** Anh Phạm Xuân L, sinh năm 1978; địa chỉ: Nhà số D, xóm Đ, B, phường M, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1980; địa chỉ: Nhà số D, xóm Đ, B, phường M, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

2. Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn C, Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H.

- Người kháng cáo: Anh Phạm Xuân L (là bị đơn).

(Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh Phạm Xuân K, anh Phạm Xuân L, chị Nguyễn Thị V có mặt; bà Lã Thị H và ông Bùi Văn C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà Lã Thị H trình bày:

Năm 1985, bà Lã Thị H và ông Phạm Đình G ly hôn. Theo quyết định của bản án, bà H được phân chia 240,3m^2 đất, trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 tại thửa đất số 126, tờ bản đồ số 07, địa chỉ tại số D, xóm Đ, B, phường M, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Nguồn gốc diện tích đất này là do bà H và ông G tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, không phải được tặng cho hoặc thừa kế.

Trước đây khi các con của bà H còn nhỏ đều chung sống cùng bà H nhưng khi trưởng thành và có gia đình riêng đã chuyển đi nơi khác, riêng anh Phạm Xuân L là con trai út sau khi lấy vợ vẫn sinh sống tại ngôi nhà trên đất của bà H. Vì muốn chiếm toàn bộ tài sản của bà H nên anh L đã có cách cư xử không đúng mực, không thực hiện đúng bổn phận của người con nên bà H đã phải sang nhà em gái ở xã Q ở nhờ gần 10 năm và hiện nay đang phải thuê nhà để sinh sống. Bà H đã nhiều lần yêu cầu anh L phải trả lại tài sản là nhà và đất nêu trên nhưng anh L không đồng ý, dù điều kiện kinh tế của anh L không khó khăn.

Đến nay do tuổi cao, muốn có nơi sinh sống ổn định và thờ cúng sau này nên bà H làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Phạm Xuân L phải trả lại cho bà nhà và đất tại thửa đất số 126, tờ bản đồ số 07 nêu trên.

Trong quá trình sinh sống, anh L và chị V đã đổ thêm một ít đất nền, xây tường dậu, nhà vệ sinh và bếp với số tiền khoảng 70.000.000 đồng. Khi Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, bà H đề nghị Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nhưng anh L, chị V không hợp tác; Thẩm phán, thư ký và đại diện chính quyền địa phương nhiều lần đến làm việc nhưng anh L, chị V đều khóa cửa, gây khó khăn và làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Tại đơn khởi kiện, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh L phải trả lại nhà và đất nêu trên nhưng vì anh L và vợ khi sinh sống trên đất đã tôn tạo như đổ thêm đất và xây 01 nhà bếp, nhà vệ sinh và nộp thuế nhà đất một số năm nên bà H có quan điểm: không trả cho anh L, chị V khoản tiền đã bỏ ra sử dụng vào các khoản nêu trên mà bà sẽ tự nguyện cho anh L, chị V một phần diện tích đất có chiều rộng giáp đường ngõ 3,66m, chiều dài chạy hết đất, vị trí giáp nhà ông H1; số đất còn lại bà H sẽ sử dụng và sau này còn chia cho người con khác; bà H không đồng ý yêu cầu của anh L về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Phạm Xuân K trình bày: Nguồn gốc tài sản tranh chấp đúng như nguyên đơn trình bày. Năm 2012, bà H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Lê Thị H2. Thời điểm này hộ khẩu của bà H2 chỉ có 1 mình bà H2 đứng tên chủ hộ, không có người con nào chung hộ khẩu, đó là tài sản riêng của bà H2 được phân chia khi ly hôn, các con trong gia đình không có quyền. Hiện nay, thửa đất tranh chấp đang do em trai anh là Phạm Xuân L chiếm giữ mà không được sự đồng ý của bà H2. Anh đã nhiều lần trao đổi, thuyết phục nhưng anh L không đồng ý trả lại, mặc dù anh L có điều kiện về kinh tế. Trước đây, do anh L nhiều lần cư xử không đúng bổn phận người con nên bà H2 không chịu được, phải đi ở nhờ nhà em gái gần 10 năm nay ở xã Q, bà H2 không có nơi ở nào khác đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của bà H2.

2. Bị đơn là anh Phạm Xuân L trình bày:

Từ khi sinh ra và lớn lên, anh L sinh sống tại địa chỉ nhà số D, xóm Đ, B, phường M, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Năm 1986, bố anh là ông Phạm Đình G và mẹ anh là bà Lã Thị H ly hôn. Nguồn gốc thửa đất tranh chấp là của bố, mẹ tạo lập trong thời kỳ hôn nhân; khi ly hôn, mẹ anh được sử dụng thửa đất tranh chấp là do mẹ anh lừa dối bố, anh biết việc đó là do bố kể lại.

Về quan điểm của anh đối với yêu cầu khởi kiện của bà H: Anh không chiếm giữ trái phép thửa đất nêu trên, anh đã nhiều lần bảo bà H về nhưng bà H không về, đất của bà H thì bà H sử dụng. Năm 2003, anh đổ thêm đất nền khoảng 2m, xây tường dậu, xây nhà vệ sinh, xây bếp, tổng cộng hết khoảng hơn 400.000.000 triệu đồng. Nếu bà H đòi lại đất thì phải trả lại anh toàn bộ số tiền anh đã sửa chữa, tôn tạo và tiền đã nộp thuế đất từ năm 1998 đến nay.

Tại Biên bản lời khai ngày 09/8/2021, anh L có quan điểm đề nghị chia thửa đất tranh chấp ra 2 phần bằng nhau: Phần thứ nhất anh L sử dụng là phần đất giáp nhà nhà ông K1, trên đất có tài sản gồm bể nước, nhà kho, làn, nhà bếp; phần thứ hai bà Lã Thị H sử dụng là phần đất giáp nhà bà B, trên đất có nhà cấp 4, chuồng lợn, sân. Anh L1 sẽ cùng người anh trai là Phạm Xuân K có trách nhiệm chăm sóc và chu cấp thêm cho bà H mỗi tháng khoản tiền là 1.000.000 đồng để bà H sinh hoạt cá nhân. Tuy nhiên, tại Biên bản ghi lời khai ngày 21/01/2022 thì anh L1 trình bày: Anh và chị V đã đổ thêm đất do đất trũng (giá đất và tiền công thuê thợ đội đất từ đầu ngõ vào hết tổng cộng là 200.000 đồng/01m^3, hết khoảng 480m^3 do tổng diện tích đất rộng 240m^2 nên số tiền đổ đất là 240.000.000 đồng; xây thêm tường trước nhà và tường sau nhà với tổng số tiền là 29.000.000 đồng; xây 02 nhà vệ sinh (bao gồm cả đồ vật sử dụng trong bếp) với số tiền là 170.000.000 đồng; xây 02 bể nước với số tiền là 60.000.000 đồng; xây bếp với số tiền là 150.000.000 đồng. Như vậy, tổng cộng tạm thời anh L1 và chị V kê số tiền chi phí tôn tạo, sửa chữa và xây dựng thêm với tổng số tiền 649.000.000 đồng. Giấy tờ, chứng từ liên quan đến việc sữa chữa, xây dựng do chưa tìm nên chưa giao nộp cho Tòa án. Ngoài ra, tiền thuế đất anh L1 và chị V nộp từ năm 2012 đến 2020 với tổng số tiền là 518.000 đồng, đề nghị bà H phải hoàn trả.

Ngày 12/01/2021, anh Phạm Xuân L nộp Đơn phản tố đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 072075 do UBND thành phố H cấp ngày 29/6/2012 mang tên bà Lã Thị H vì lý do: Khi bố mẹ anh ly hôn năm 1985, bố anh dẫn theo 02 anh trai là Phạm Xuân T và Phạm Xuân K sinh sống với người phụ nữ khác; mẹ anh dẫn theo chị gái Phạm Thị L2 sinh sống với người đàn ông khác, chỉ còn lại một mình sống tại diện tích đất tranh chấp. Năm 2003, do đất trũng nên anh đã bồi đắp nâng lên xây nhà mới và công trình kèm theo là nhà bếp, kho, nhà tắm, nhà vệ sinh, chuồng lợn, chuồng gà và tường rào xung quanh với chi phí khoảng 500.000.000 đồng và nộp thuế nhà đất. Ngoài ra, thửa đất là tài sản chung của bà H và ông G trước khi ly hôn chưa được phân chia nên bà H không thể đứng tên người sử dụng để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, thửa đất này được cấp cho bà H là hoàn toàn trái pháp luật.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, Tòa án đã nhiều lần mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh L và chị V có mặt tại phiên họp nhưng đều không ký vào biên bản.

3. Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Nguyễn Thị V trình bày: Sau khi kết hôn với anh L, vợ chồng chị đã sinh sống và có tham gia vào việc xây dựng, tôn tạo thêm tài sản trên thửa đất tại số nhà D, xóm Đ, B, phường M, thành phố H. Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp là tài sản do bố, mẹ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, khi ly hôn thì mẹ chồng được sử dụng. Chị V đồng ý với các nội dung anh L trình bày liên quan đến vấn đề xây dựng thêm, tôn tạo đất; ý kiến của anh L là ý kiến của chị. Khi về làm dâu, mỗi lần mẹ chồng ốm đau phải đi bệnh viện, chị cùng chồng đưa mẹ đi bệnh viện và bỏ tiền chi phí, không phải chị và chồng đối xử không tốt với mẹ. Chị V có quan điểm: nếu mẹ chồng đòi lại thửa đất sẽ trả lại nhưng đề nghị mẹ chồng phải thanh toán số tiền chị và anh L đã bỏ ra xây dựng thêm, tôn tạo khối tài sản tranh chấp.

3.2. Ý kiến của UBND thành phố H: Nguồn gốc sử dụng đất là do bà Lã Thị H được giao theo Bản án sơ thẩm số 18 ngày 13/9/1986 của Tòa án nhân dân thị xã Hưng Yên khi ly hôn với ông Phạm Bình G1. Căn cứ vào đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận và trên hồ sơ tài liệu liên quan kết quả xét duyệt nguồn gốc đất của UBND phường M, thẩm tra của cơ quan chuyên môn, đối chiếu quy định pháp luật thì thửa đất đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận theo khoản 1, khoản 5 Điều 50 Luật Đất đai 2003 và đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, qua kiểm tra rà soát hồ sơ cấp giấy chứng nhận thửa đất thấy có sai sót trong quá trình biên tập về tên chủ sử dụng đất thể hiện tại trang 01 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số seri BL 072075, cấp ngày 29/6/2012 đối với thửa đất số 126, tờ bản đồ số 07, diện tích 240,3m^2 tại Tổ B, Bắc L, phường M, thành phố H đã ghi cấp cho "hộ bà Lã Thị H" là không chính xác mà cần phải đính chính sai sót về tên chủ sử dụng đất từ thành "bà Lã Thị H" mới đúng quy định pháp luật.

4. Kết quả xác minh, UBND phường M cung cấp thông tin về nguồn gốc thửa đất tranh chấp như sau: Căn cứ vào bản đồ 299, đo đạc năm 1980 và sổ đăng ký ruộng đất 299, thửa đất thuộc thửa 405, tờ bản đồ số 01, diện tích 256m^2 mang tên người sử dụng là ông Phạm Bình G1. Căn cứ bản đồ 327, đo năm 1997 và sổ mục kê năm 1997, thửa đất tranh chấp thuộc thửa số 122, tờ bản đồ 9A, diện tích 234m^2, mang tên người sử dụng là bà Lã Thị H. Căn cứ bản đồ Vlap đo năm 2010 và sổ mục kê năm 2010, thửa đất tranh chấp thuộc thửa 126, tờ bản đồ số 07, diện tích 240,3m^2 mang tên người sử dụng bà Lã Thị H. Diện tích thửa đất có sự biến động qua các thời kỳ là do sai số khi đo đạc.

5. Ý kiến của những người làm chứng:

5.1. Ông Phạm Bình G1 trình bày: Ông và bà Lã Thị H ly hôn năm 1986. Theo quyết định của Tòa án, bà H được quyền sử dụng thửa đất tại số D, xóm Đ, B, phường M, thành phố H (chính là diện tích đất hiện nay vợ chồng anh L, chị V đang sử dụng). Sau khi ly hôn, bà H sinh sống trên thửa đất được phân chia còn ông G1 đi ở nhờ nhà người thân. Khoảng tháng 7 năm 2020 âm lịch, ông G1 gặp anh L đề nghị anh L cho về ở cùng nhưng anh L không đồng ý, đuổi đánh ông đi. Hiện nay, ông G1 đang dựng lều trại tại khu đất sau Miếu B1 tại khu phố N, phường H, thành phố H để ở tạm. Ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

5.2. Anh Nguyễn Văn H3 trình bày: Anh là hàng xóm sát cạnh thửa đất gia đình anh Phạm Xuân L đang tranh chấp. Trước đây bà H sinh sống cùng anh L nhưng khoảng 10 năm trở lại đây bà H không sinh sống cùng anh L, anh chỉ biết do có mâu thuẫn còn cụ thể anh không nắm bắt được. Quá trình sinh sống anh chứng kiến anh L xây dựng thêm bức tường phía trước của nhà giáp đường đi, nhà bếp, nhà vệ sinh. Ngoài ra, do mái nhà bị mưa thấm nên có lợp mái nhà lại, ngôi nhà hiện nay vợ chồng anh L đang sử dụng là nhà cũ của bà H xây dựng. Hiện nay, khi bà H về nhà anh L đều khóa cửa, đuổi, không cho vào.

6. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã quyết định:

(1) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lã Thị H về việc "kiện đòi tài sản là nhà và quyền sử dụng đất".

Buộc bị đơn anh Phạm Xuân L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị V phải trả cho nguyên đơn bà Lã Thị H toàn bộ tài sản trên đất và quyền sử dụng đất, thể hiện tại thửa đất số 126, tờ bản đồ số 07, diện tích đất đo đạc thực tế là 236m^2, địa chỉ tại số D, xóm Đ, B, phường M, thành phố H, tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL072075, số vào sổ GCN là CH 00422 QSDĐ/1652 QĐ-UBND Q5-T134 do UBND thành phố H cấp ngày 29/6/2012.

(2) Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Phạm Xuân L về việc "Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

(3) Chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Lã Thị H về việc bà Lã Thị H tự nguyện tháo dỡ công trình xây dựng trên đất cho bị đơn Phạm Xuân L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị V 01 phần diện tích đất là 78,4m^2 trong tổng diện tích đất nêu trên của bà Lã Thị H (tứ cận diện tích đất bà H cho anh L và chị V thể hiện theo sơ đồ kèm theo bản án). Bà Lã Thị H không phải trả anh Phạm Xuân L và chị Nguyễn Thị V số tiền 70.836.400 đồng (công sức tôn tạo, sửa chữa và xây dựng) do phần diện tích đất bà Lã Thị H cho anh Phạm Xuân L và chị Nguyễn Thị V có giá trị là 548.800.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh hoặc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm; phổ biến quyền kháng cáo và thủ tục thi hành bản án dân sự cho các đương sự theo quy định.

7. Kháng cáo:

Ngày 20/12/2022, bị đơn là anh Phạm Xuân L có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lã Thị H và chấp nhận yêu cầu phản tố của anh.

8. Tại phiên tòa phúc thẩm:

8.1. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Lã Thị H giữ nguyên đơn khởi kiện.

8.2. Bị đơn là anh Phạm Xuân L giữ nguyên đơn kháng cáo và phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của anh.

8.3. Hội đồng xét xử đã giải thích và tạo điều kiện cho các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

8.4. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt một số người tham gia tố tụng là đúng theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập, xem xét và đánh giá đầy đủ chứng cứ, lời trình bày của các đương sự. Từ đó, đã quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Anh Phạm Xuân L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ hoặc lý do nào mới nên không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng

xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, của người đại diện hợp pháp của các đương sự, của những người tham gia tố tụng khác và ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp:

Xem xét các tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp và Tòa án cấp sơ thẩm thu thập được thì thấy: Tại tờ bản đồ 299 đo đạc năm 1980 và sổ đăng ký ruộng đất 299 thể hiện thửa đất thuộc thửa 405, tờ bản đồ số 01, diện tích 256m^2 mang tên người sử dụng ông Phạm Bình G1. Theo bản đồ 327 đo năm 1997 và sổ mục kê năm 1997, thửa đất tranh chấp thuộc thửa số 122, tờ bản đồ 9A, diện tích 234m^2 mang tên người sử dụng là bà Lã Thị H. Tại bản đồ Vlap đo vẽ năm 2010 và sổ mục kê năm 2010, thửa đất tranh chấp thuộc thửa 126, tờ bản đồ số 07, diện tích 240,3m^2 mang tên người sử dụng bà Lã Thị H. Việc tại hồ sơ địa chính qua các thời kỳ thể hiện thửa đất có sự biến động về diện tích đã được đại diện UBND phường M xác định là do sai số khi đo đạc qua các thời kỳ.

Căn cứ vào nội dung Bản án sơ thẩm ly hôn số 18 ngày 13/9/1986 của Tòa án nhân dân thị xã Hưng Yên (đã có hiệu lực pháp luật), lời trình bày của các đương sự và lời trình bày của ông Phạm Bình G1 tại "Biên bản lấy lời khai của người làm chứng" ngày 05/8/2021 (bút lục: 139) thì có đủ cơ sở xác định: Thửa đất tranh chấp và ngôi nhà trên đất có nguồn gốc là tài sản chung của vợ chồng ông Phạm Bình G1, bà Lã Thị H tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân và bà Lã Thị H đã được phân chia khi ly hôn với ông G1 theo Bản án đã có hiệu lực pháp luật năm 1986 nêu trên. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định nhà đất tranh chấp là tài sản hợp pháp của bà Lã Thị H là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Về công sức quản lý, tu bổ tài sản:

Do trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, vợ chồng anh L chị V không hợp tác với Tòa án về việc xem xét, thẩm định tại chỗ nên Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp không có mặt anh Linh, chị V; kết quả đã xác định: trong quá trình quản lý và sử dụng nhà đất, vợ chồng anh L chị V đã có công sức quản lý, tôn tạo, tu bổ đất, xây dựng, sửa chữa một số công trình, vật kiến trúc trên đất và nộp thuế đất từ năm 2012 đến năm 2020 với tổng số tiền 70.836.400 đồng. Sau khi nhận được thông báo của Tòa án về kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nêu trên, anh L có đơn đề nghị xem xét, thẩm định và định giá lại nhưng không nộp chi phí tố tụng nên Tòa án căn cứ vào kết quả định giá tài sản trên để làm căn cứ giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Trên cơ sở sự tự nguyện của bà Lã Thị H, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận việc bà H tự nguyện tháo dỡ công trình xây dựng trên đất để cho vợ chồng anh L

chị V quyền sử dụng một phần diện tích 78,4m^2 trong tổng diện tích đất nêu trên của bà H; bà H không phải trả cho vợ chồng anh L chị V số tiền 70.836.400 đồng về công sức quản lý, tôn tạo, tu bổ đất, xây dựng, sửa chữa một số công trình, vật kiến trúc trên đất và thuế đất đã nộp là vừa phù hợp với quy định của pháp luật, vừa có lợi cho vợ chồng anh L chị V bởi vì diện tích đất bà H tự nguyện cho vợ chồng anh L chị V có giá trị là 548.800.000 đồng.

[3] Đối với yêu cầu của anh Phạm Xuân L về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Lã Thị H: Theo kết quả phân tích tại mục [1] ở trên đã xác định thửa đất tranh chấp có nguồn gốc là tài sản chung của vợ chồng ông Phạm Bình G1, bà Lã Thị H tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân và bà Lã Thị H đã được phân chia khi ly hôn với ông G1 theo Bản án đã có hiệu lực pháp luật năm 1986 nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định thửa đất tranh chấp là tài sản hợp pháp của bà Lã Thị H. Mặt khác, tại Công văn số 145/TNMT ngày 22/9/2022, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H đã xác định việc UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số seri BL 072075 ngày 29/6/2012 đối với thửa đất số 126, tờ bản đồ số 07, diện tích 240,3m^2 tại địa chỉ Tổ B, Bắc L, phường M, thành phố H, tỉnh Hưng là bảo đảm đúng trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đúng ra phải được ghi là cấp cho "Bà Lã Thị H" mới chính xác nhưng trước đây lại ghi cấp cho "Hộ bà Lã Thị H" là có sai sót về tên chủ sử dụng đất, đề nghị Tòa án hướng dẫn cho đương sự liên hệ với Chi nhánh Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố H để được hướng dẫn, hoàn thiện hồ sơ đính chính, chỉ lý lại cho chính xác. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bị đơn anh Phạm Xuân L về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà yêu cầu bà H làm thủ tục điều chỉnh hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng pháp luật.

[4] Tổng hợp những kết quả phân tích ở trên và ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lã Thị H; trong đó ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc bà H cho vợ chồng anh L chị V quyền sử dụng một phần diện tích 78,4m^2 đất, bà H không phải trả cho vợ chồng anh L chị V số tiền công sức quản lý, tôn tạo, tu bổ đất, xây dựng, sửa chữa một số công trình, vật kiến trúc trên đất và thuế đất đã nộp là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, có lợi cho vợ chồng anh L chị V. Anh Phạm Xuân L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng những lý do anh Linh trình bày trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm là không có căn cứ pháp luật, ngoài ra anh L không giao nộp thêm được tài liệu, chứng cứ nào mới nên kháng cáo của anh Phạm Xuân L Hội đồng xét xử không có sơ sở để chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, anh Phạm Xuân L có kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Phạm Xuân L; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Anh Phạm Xuân L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm do chị Nguyễn Thị V nộp thay anh Phạm Xuân L tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000202 ngày 30 tháng 12 năm 2022.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 24/10/2023.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

Nguyễn Xuân Điền